| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN U MINH**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **25**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 5 - 2019.
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Việt Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Văn Hiền;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý, Thẩm tra viên Tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà với ông Lê Văn T được gia đình tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng hạnh phúc có 01 đứa con chung. Thời gian gần đây vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong lối sống và trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không quan tâm, không có sự thông cảm chia sẻ dẫn tới vợ chồng xảy ra cự cãi, giận dỗi, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn mặc dù hai bên cha mẹ có hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa hai bên không thể giải quyết. Bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải được ly hôn với ông Lê Văn T

Về con chung: tên Lê Vĩnh Kỳ, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị D về quan hệ hôn nhân, về thời gian chung sống, về mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: thống nhất theo lời trình bày của bà D.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà D và ông T được xác định là tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bà D yêu cầu được ly hôn với ông T. Quá trình tố tụng ông T cũng đồng ý ly hôn với bà D điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà D đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, tuy nhiên, do bà D và ông T không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà D với ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: tên Lê Vĩnh Kỳ, sinh năm 1999, bà D và ông T xác định đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: các bên xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm bà D phải chịu là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: tên Lê Vĩnh Kỳ, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng, bà D đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004262 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

- Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qu y định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự ;*
*- TAND tỉnh Cà Mau;*
*- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;*
*- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;*
*- Lưu:Hồ sơ, văn thư.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Việt Hằng**